

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh, bà Mừng Thị Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò T D, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Thôn ..., huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Anh Lò V H, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Thôn .., huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lò T D trình bày:

Chị D và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân .. vào ngày 10/3/2015, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh H nghiện rượu, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị và anh H đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân chị và anh không quan tâm đến nhau. Hiện tại chị D không còn tình cảm với anh H nữa, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là Lò T KN, sinh ngày 08/5/2016, hiện tại cháu N ở cùng chị D và ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lò V H trình bày: Việc anh và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị D. Từ khi chung sống giữa anh và chị D chung sống bình thường, không cãi chửi nhau, anh H không biết lý do tại sao chị D lại muốn ly hôn với anh và anh có hỏi nhưng chị D không nói. Anh và chị D đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến nhau. Nếu chị D muốn ly hôn thì anh H không nhất trí, vì anh còn tình cảm với vợ. Về con chung, anh H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh H không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa hôm nay anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, không có thay đổi gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại thôn .. và xác minh đối với mẹ đẻ anh H: Sau khi kết hôn anh H và chị D chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ chồng , đến năm 2019 thì chị D bỏ đi làm ở nước ngoài một thời gian, sau khi về nước thì chị D lại bỏ đi làm cho đến nay. Thời gian chung sống với nhau giữa anh H và chị D không có mâu thuẫn gì với nhau, hiện tại chị D và anh H đã ly thân và không còn chung sống với nhau từ khi chị D bỏ đi cho đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò T D, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị L T D được ly hôn với anh

Lò V H. Về con chung: giao cháu Lò T KN cho chị Lò T D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò T D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Lò V H. Chị D và anh H đều cư trú tại thôn ..., huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D và anh H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện rượu, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị D và anh H sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, giải quyết cho chị Lò T D được ly hôn với anh Lò V H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung, tên là Lò T K N, sinh ngày 08/5/2016. Sau khi ly hôn chị D và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện tại cháu N đang ở cùng chị D tại gia đình ông bà ngoại, cả chị D và anh H đều công nhận là ông bà ngoại rất yêu thương cháu N và có đủ điều kiện để hỗ trợ chị D trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Công việc chính của chị D là làm thuê, thu nhập mỗi tháng khoảng 05 đến 06 triệu, còn anh H không có công việc ổn định, chỉ ở nhà phụ giúp mẹ. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con

có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản: Chị D và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò T D được ly hôn với anh Lò V H.

Về con chung: Giao cháu Lò T K N, sinh ngày 08/5/2016 cho chị Lò T D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò T D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị Lò T D và anh Lò V H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò T D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001235, ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Lai Châu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND ..;
- Dương sự;
- Lưu: HS.

Triệu Trung Tá